

5. We check out from the hotel. We can take a taxi to the airport for our flight home.

-> .....

6. We can't explore the castle. The guide comes and leads us on a tour.

-> .....

**Exercise 4.** Chọn hai phrasal verbs trong danh sách và viết một đoạn văn về một chủ đề tự do (80-100 từ) có chứa 2 phrasal verb đó và 2 câu phức. Gạch chân phrasal verb và các câu phức.

(take over sth, take after sb, take up sth, take off, look after sth/sb, look forward to sth, look up to sb

look for sth, come across sb/sth, break out)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## Homework

**Exercise 1.** Luyện nói sử dụng kỹ thuật chunking cho các câu trả lời của IELTS Speaking Part 1 sau.

**Describe a person you know who loves to grow plants**

*You should say:*

*Who this person is*

*What he/she grows*

*Where he/she grows them*

*And explain why he/she enjoys growing plants*

I'd like to talk about my neighbor, Sarah. She really loves growing plants. Her backyard is like a beautiful garden.

Sarah grows many different plants like flowers, herbs, and vegetables. Her garden has roses, tulips, lavender, basil, mint, and tomatoes. It's amazing how she takes care of so many different plants.

Most of her gardening is in her backyard. She has organized flower beds and herb gardens there.

Sarah loves gardening for many reasons. It helps her relax and feel less stressed after a busy day. She feels proud when she sees her plants growing and blooming.

To me, Sarah's garden isn't just plants. It's her way of showing how much she loves gardening.

**Exercise 2.** Sử dụng từ cho sẵn để hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không đổi.

1. My younger sister argues that she doesn't look like our grandmother. (take)

.....

2. My cousin can't wait to travel to Japan next week. (look)

.....

3. I met my old teacher accidentally when I was on my way to the post office. (come)

.....

4. After two-hour delay, the plane finally could leave the ground and begin to fly. (take)

.....

5. My neighbors are worried that nobody will take care of their pets when they're away. (look)

.....

6. My father started to play volleyball a month ago. (take)

.....

7. Suddenly, my car stopped working on the expressway. (break)

.....

**Exercise 3.** Điền liên từ phù hợp vào chỗ trống (Mỗi liên từ chỉ dùng một lần)

so	before	as long as	though	and
so that	when	if	or	while

1. She is an excellent dancer, ..... she also plays the violin.

2. He ate breakfast, ..... he was running late.

3. .... I arrived at the airport, the plane had already left.

4. .... Linda studies hard, she will pass the exam.

5. They continued to climb the mountain ..... it was snowing heavily.

6. He can speak French fluently ..... I can only speak a few words.

7. I'll call you later ..... we can discuss the plan in detail.

8. .... I go to work, I usually have a cup of coffee.

9. .... you promise to behave, you can come to the party.

10. We can either watch a movie ..... go for a walk in the park.



# Lesson 20. Revision

Pronunciation	Review: Stress, Linking sounds, Intonation & Chunking
Vocabulary	Revision 4: Media & Phrasal verbs
Grammar	Revision 3: Conjunctions, Compound & Complex sentences

## Lesson preparation

Trước khi đến lớp, bạn cần hoàn thành phần bài tập sau để đảm bảo việc tiếp thu kiến thức trên lớp đạt hiệu quả. Sau khi làm xong, bạn có thể xem video chữa bài nhé.

Yêu cầu	Trạng thái hoàn thành
<b>Exercise 1.</b> Điền từ thích hợp để hoàn thành các câu dưới đây, sử dụng các từ trong bảng.	<input type="checkbox"/>
<b>Exercise 2.</b> Nghe và điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu trả lời cho câu hỏi IELTS Speaking Part 2 dưới đây.	<input type="checkbox"/>
<b>Exercise 3.</b> Nhìn hình tương ứng và điền vào chỗ trống để tạo thành câu có nghĩa.	<input type="checkbox"/>

**Exercise 1.** Điền từ thích hợp để hoàn thành các câu dưới đây, sử dụng các từ trong bảng.

close    account    cut    catch    carry    come    get (x3)    break

1. You need to ..... **for** all the money you spend.
2. Can you ..... **down** the project into smaller tasks?
3. We will ..... **out** the plan tomorrow.
4. I need to ..... **up with** my homework.
5. The old shop will ..... **down** next month.
6. New challenges often ..... **up** in projects, requiring effective problem-solving skills.
7. To improve overall health, it is advisable to ..... **down on** sugary drinks.
8. After the meeting, we need to ..... **on with** our assignments to ensure timely completion.
9. Talking about how individuals ..... **over** personal challenges or setbacks.
10. I need to ..... **down** to work and focus on completing my tasks efficiently.

**Exercise 2. ▶ 20.1** Nghe và điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu trả lời cho câu hỏi IELTS Speaking Part 2 dưới đây.

**Topic: Describe a website or an app that you often use**

One app that I regularly use is Instagram, which is the fourth-most **1.** ..... in the world. It's a **2.** ..... platform where users can **3.** ..... photos, **4.** ..... stories, and **5.** ..... with friends and followers. I first found out about Instagram through a TV **6.** ..... and saw it being mentioned frequently in **7.** ..... and **8.** .....

Instagram allows me to **9.** ..... up on the latest trends and see what my friends are up to. I enjoy scrolling through the posts and **10.** ..... from various **11.** ..... I can also follow accounts that share interesting content, such as travel photos, cooking recipes, and **12.** ..... Sometimes, I use Instagram to **13.** ..... photos that inspire me or to add my own photos for others to see.

One feature I really like is that it keeps me updated with popular events and allows me to stay connected with people from all over the world. It's also a great way to see TV **14.** ..... updates and **15.** ..... recommendations from influencers.

I would definitely recommend Instagram to others because it is a versatile app. Whether you want to keep up with the latest **16.** ....., share your own experiences, or simply **17.** ..... a virtual gallery of amazing pictures, Instagram has something for everyone. It's a fantastic way to stay informed and entertained.

**Exercise 3.** Nhìn hình tương ứng bên dưới và điền vào chỗ trống để tạo thành câu có nghĩa.

1. I will **take** \_\_\_ the family's property after my parents go abroad.
2. He **takes** \_\_\_\_\_ his sister in appearance.
3. I decided to **take** \_\_ painting as a new hobby.
4. The plane will **take** \_\_\_ at 7 PM.
5. She is **looking** \_\_\_\_\_ her grandmother while her parents are out.
6. I am **looking** \_\_\_ my keys; I can't find them anywhere.

